

TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN
TỔ NGỮ VĂN

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ

A. MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng (Số câu)	Vận dụng cao (Số câu)	
1	Phản Đọc	Văn bản thông tin	3	3	1	1	60
		Văn bản nghị luận					
2	Thực hành tiếng Việt <i>(Ra kết hợp trong phần Đọc hiểu)</i>	Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ					
3	Phản Viết	Viết bài luận về bản thân	1*	1*	1*	1*	40
Tỉ lệ %			25%	45%	20%	10%	100
Tổng % điểm			70%		30%		

B. BẢNG ĐẶC TẢ

				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng % điểm
				3	3	1	1	60%
1	PHẦN ĐỌC HIỂU	Phản Đọc hiểu các văn bản: 1.Văn bản thông tin.	1. Văn bản thông tin Nhận biết: - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết					

		2. Văn bản nghị luận. (<i>Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa</i>) minh có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. - Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin. - Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin. Thông hiểu: - Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả. - Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản - Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản. - Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản. Vận dụng: - Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân. Vận dụng cao: - Đánh giá được cách đưa				
--	--	---	--	--	--	--

			tin và quan điểm của người viết ở một bản tin. 2. Văn nghị luận Nhận biết: - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. - Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa thể hiện trong văn bản. Thông hiểu: - Xác định được được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản. - Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết. - Phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận. Vận dụng: - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.					
--	--	--	--	--	--	--	--	--

			- Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hóa để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.					
2	PHẦN VIẾT	Phản Viết bài luận về bản thân.	Nhận biết: - Xác định được đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của bài luận về bản thân. - Xác định được đúng đề tài, đối tượng của bài luận về bản thân. Thông hiểu: - Trình bày được những năng lực, sở trường, quan niệm, mong muốn của bản thân tùy theo mục đích viết luận. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục. - Thể hiện được thái độ khiêm tốn, cầu thị, tự tin của bản thân. Vận dụng cao: - Sử dụng hợp lí sự kết hợp của các phương thức	1*	1*	1*	1	40%

			miêu tả, biểu cảm... để tăng sức thuyết phục cho bài luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.					
Tỉ lệ %				30%	40%	20%	10%	100%
Tỉ lệ chung				70%		30%		100%

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI 8: THỂ GIỚI ĐA DẠNG CỦA THÔNG TIN

1. Đặc trưng của văn bản thông tin

- Là văn bản cung cấp thông tin.
- Để đảm bảo tính chính xác, khách quan, văn bản thông tin thường dẫn tên người, địa điểm, thời gian, số liệu xác thực có thể kiểm chứng.
- Ngôn ngữ trong văn bản thông tin sáng rõ, đơn nghĩa. Việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ, ... góp phần giúp người đọc dễ tiếp nhận và ghi nhớ thông tin.
- Để tăng thêm hiệu quả tác động đối với người đọc, đôi khi văn bản thông tin lồng ghép thông tin với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

2. Bản tin

- Là một loại văn bản thông tin.
- Bản tin là các sự kiện cập nhật.
- Ngôn ngữ bản tin thường ngắn gọn, sáng rõ, đơn giản.
- Tuy nhiên, để gây ấn tượng mạnh người viết vẫn sử dụng các biện pháp tu từ.
- Người tiếp nhận thông tin cần biết đặt câu hỏi:
 - + Tác giả của bản tin là ai?
 - + Lập trường thái độ của người viết là gì?

+ Các nhân vật, sự kiện, số liệu...trong bản tin được sắp xếp theo trình tự nào? Vì sao tác giả lại có sắp xếp đó?

+ Những thông tin có đáng tin cậy không?

3. Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng

- Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng thường xuất hiện ở những không gian như bảo tàng, di tích, trường học, thư viện,... giúp người đọc có thể hiểu rõ các yêu cầu, quy định cần được tuân thủ, từ đó có những hành vi đúng đắn phù hợp.

- Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng có cấu trúc chặt chẽ, mạch lạc; ngôn ngữ khách quan, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.

4. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

- Mỗi loại phương tiện phi ngôn ngữ có chức năng biểu đạt nghĩa khác nhau:

+ Các số liệu thường được sử dụng để cung cấp những thông tin cụ thể chính xác .

+ Các đường nối giữa các hình vẽ thường được dùng để biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin.

+ Các biểu đồ, sơ đồ giúp trình bày thông tin một cách hệ thống

- Các hình ảnh làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin ,...

BÀI 9: HÀNH TRANG CUỘC SỐNG

1. Biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin

Các **biểu đồ, sơ đồ** giúp các thông tin trong văn bản trở nên cụ thể, trực quan, đồng thời cho thấy mối quan hệ logic giữa các thông tin. Có rất nhiều dạng biểu đồ, sơ đồ: biểu đồ tròn thể hiện vòng tuần hoàn của các sự vật, hiện tượng; sơ đồ venn dùng để so sánh; biểu đồ thời gian dùng để biểu đạt sự phát triển; sơ đồ cây thể hiện hệ thống cấp bậc của thông tin...

2. Bài luận về bản thân

Những tri thức học được qua sách vở và những trải nghiệm trong cuộc sống không chỉ giúp bạn hiểu thêm về con người và thế giới rộng lớn xung quanh, mà còn gợi cho bạn những suy ngẫm về bản thân: bạn là ai; mong muốn, ước mơ, niềm tin, giá trị sống của bạn là gì; đâu là thế mạnh của bạn; với tư cách là một cá nhân, bạn có mối quan hệ như thế nào với người khác, với thế giới tự nhiên; mỗi lựa chọn của bạn có tác động gì tới cuộc sống của chính bạn và của người khác,... Những suy nghĩ, quan điểm, kiến giải đó có thể được trình bày **dưới dạng một bài luận về bản thân**.

Bài luận về bản thân là một loại văn bản nghị luận, thể hiện quan điểm, chủ kiến của người viết, có lập luận chặt chẽ và bằng chứng đáng tin cậy. Tuy nhiên, khác với bài nghị luận thông thường, bài luận về bản thân hướng vào việc tự bày tỏ, tự soi xét và chia sẻ

những trải nghiệm, suy nghĩ ... của chính người viết. Sự chân thành, sâu sắc trong suy ngẫm của người viết là yếu tố quan trọng nhất làm nên sức hấp dẫn của kiểu văn bản này. Viết một bài luận về bản thân là thực hành việc nhìn lại chính mình, tự ý thức về giá trị của chính mình – điều có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc chuẩn bị hành trang cuộc sống.

B.YÊU CẦU

1. Phần Đọc hiểu

- Nắm chắc các tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu
- Vận dụng các tri thức đã học để xác định được các yếu tố như văn bản thông tin, bản tin, văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng, phương tiện phi ngôn ngữ, biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin, mạch triển khai thông tin trong văn bản.....

2. Phần Viết

- Nắm chắc cách Viết bài luận về bản thân (Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa...theo nội dung ở sách giáo khoa **Ngữ văn 10 tập 2 – trang 116,117**), và có thể vận dụng để viết một bài luận về bản thân theo yêu cầu.

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10

Thời gian làm bài: 90 phút(không kể thời gian phát đề)

ĐỀ SỐ 1

(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản :

BẠN ĐÃ BIẾT GÌ VỀ SÓNG THẦN?

1. Định nghĩa

Sóng thần, trong tiếng Nhật gọi là tsunami, là chuỗi sóng biển chu kì dài (từ vài phút tới hàng giờ), lan truyền với vận tốc lớn. Tùy theo độ sâu của đáy biển, vận tốc lan truyền sóng thần có thể đạt từ 720km/giờ trở lên. Khi vào bờ, sóng thần có sức tàn phá rất ghê gớm.

Không như nhiều người tưởng, sóng thần không phải là những ngọn sóng ầm ầm, cuộn tiến vào đất liền mà người ta có thể mục kích và nghe được âm thanh của nó từ ngoài khơi xa. Ngay cả khi ngồi trên thuyền ngoài khơi, bạn cũng không thể biết nó từ ngoài khơi xa, không thể biết khi nào sóng thần bắt đầu xuất hiện. Do đó, bạn khó có thể nhận thấy dấu hiệu báo trước của một đợt sóng thần. Có thể vì thế mà trong phút chốc, cơn sóng thần

do trận động đất mạnh ở Ấn Độ Dương gây ra ngày 26/12/2004 đã lấy đi mạng sống của hàng trăm nghìn người ở hơn chục quốc gia.

2. Cơ chế hình thành sóng thần

Khi sóng thần được tạo ra ở ngoài khơi xa, con sóng rất nhỏ vì nước quá sâu nhưng đó là một chuỗi sóng có tốc độ rất cao, lên đến 800km/giờ. Khi sóng thần dịch chuyển trên đại dương, chiều dài từ chớp sóng trước đến chớp sóng sau có thể cách xa hàng trăm km hoặc hơn và độ cao chớp sóng chỉ khoảng vài mét. Do vậy, người ta không thể thấy dấu hiệu rõ ràng của sóng thần. Nói cách khác, sóng thần không phải là sự di chuyển của bề mặt sóng mà là toàn bộ khối nước. Sóng thần chỉ thật sự hiện nguyên hình với sức mạnh hủy diệt kinh hoàng khi nó đến gần bờ. Ở vùng nước nông, một con sóng thần khổng lồ có thể cao đến 30m hoặc hơn (ngọn sóng thần tấn công vịnh Lituya, Alaska vào năm 1958 cao đến 525m).

3. Nguyên nhân

Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu do động đất, ngoài ra còn do núi lửa phun trào, lở đất và các vụ nổ dưới đáy biển. [...]

4. Dấu hiệu sắp có sóng thần

Những người trên bờ biển khó biết sóng thần sắp tiến về phía mình. Dấu hiệu đầu tiên là nước biển chậm chạp cuộn lên với những con sóng không đều, chứ không như sóng mạnh của một cơn bão sắp tới. Bỗng nhiên, mặt biển dao động nhiều hơn bình thường, sau đó nhiều bọt biển nổi lên, nước rút xuống nhanh và bất ngờ trong khoảng thời gian không phải thủy triều. Hoặc bạn có thể cảm thấy nước trong từng đợt sóng nóng bất thường và nghe thấy những âm thanh lạ,... Do vậy, khi đứng trên bãi biển và nhìn thấy nước biển đột ngột rút nhanh xuống, bạn hãy thông báo cho mọi người xung quanh biết là sắp có sóng thần và di chuyển nhanh khỏi bãi biển, đến vùng cao hơn để trú ẩn trước khi sóng thần đến. [...]

(Theo Một số kiến thức về sóng thần, báo Nhân dân, ngày 16/03/2022)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại văn bản nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định một yếu tố miêu tả trong văn bản. (0,5 điểm)

Câu 3. Văn bản trên có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ không? (0,5 điểm)

Câu 4. Việc tác giả đưa những số liệu vào trong văn bản có tác dụng gì? (1,0 điểm)

Câu 5. Mục đích chính của tác giả khi viết văn bản trên là gì? (1,0 điểm)

Câu 6. Anh/Chị có nhận xét gì về cách đặt nhan đề của văn bản. (1,0 điểm)

Câu 7. Theo anh/chị, trong bốn thông tin được đánh số thứ tự 1, 2, 3, 4 ở trên, thông tin nào là quan trọng nhất? Vì sao? (1,0 điểm)

Câu 8. Anh/Chị có đồng ý với ý kiến : “*khi đứng trên bãi biển và nhìn thấy nước biển đột ngột rút nhanh xuống, bạn hãy thông báo cho mọi người xung quanh*” không ? Vì sao ? (0,5 điểm)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết một bài luận về cách mà anh/chị đã và sẽ sống.

-----HẾT-----

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10

Thời gian làm bài: 90 phút(không kể thời gian phát đề)

ĐỀ SỐ 2

(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Đội tuyển Qatar đã không thể vượt qua vòng bảng. Không ít người hiểu bóng đá đã biết điều đó trước khi bóng lăn. Đặc biệt là khi xem xong trận khai mạc.

Các chuyên gia bóng đá Qatar cũng biết bóng đá Qatar là thế nào. Nhưng đất nước Qatar vẫn quyết tâm đăng cai World Cup.

Thật dễ dàng để hiểu rằng: Qatar đăng cai World Cup không phải để giành được một vị trí nhất định nào đó trong giải này. Mục tiêu lớn nhất của họ là quảng bá đất nước họ cho thế giới. Rồi sau đó mới đến việc kích cầu bóng đá ở một đất nước chưa đầy 3 triệu dân. Vì vậy, Qatar đã chuẩn bị tất cả cho mục đích của họ kể cả chuẩn bị sự thất bại của họ ở World Cup 2022.

Người Qatar buồn không khi đội tuyển của họ không qua được vòng bảng? Tất nhiên là buồn. Nhưng họ hiểu World Cup và họ hiểu đội tuyển của họ, nên nỗi buồn sẽ qua rất nhanh và mọi việc liên quan đến đội tuyển trở nên nhẹ nhõm.

Chuyện đội tuyển Qatar sẽ không qua được vòng loại bảng là chuyện hết sức bình thường. Bởi còn biết bao quốc gia đến bao giờ mới có mặt ở World Cup.

Nếu coi sự thất bại trong mỗi trận đấu ở World Cup 2022 là việc hệ trọng nhất của họ thì người Qatar không đại gì mà đổ ra từng đó tiền để tranh giành ngôi vị ở World Cup 2022 với những “ông khổng lồ” của bóng đá thế giới.

Một dân tộc biết chuẩn bị cả sự thất bại của mình trên con đường vươn tới tương lai là một dân tộc kính nể, và dân tộc đó sẽ đi xa. Còn ngược lại...

(Nguồn Facebook Nguyễn Quang Thiều, ngày 27.11.2022)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: Văn bản trên viết về vấn đề gì? (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả mục tiêu của đất nước Qatar khi đăng cai tổ chức World Cup là gì? (0,5 điểm)

Câu 3. Xác định một yếu tố biểu cảm trong văn bản. (0,5 điểm)

Câu 4. Dựa vào nội dung văn bản anh/chị hãy lí giải: Tại sao nỗi buồn của người dân Qatar trước thực tế đội tuyển nước mình không qua được vòng loại “*sẽ qua rất nhanh và mọi việc liên quan đến đội tuyển trở nên nhẹ nhõm*”? (1,0 điểm)

Câu 5. Nội dung chính của văn bản là gì? (1,0 điểm)

Câu 6. Qua văn bản tác giả đã thể hiện tình cảm gì về con người và đất nước Qatar? (1,0 điểm)

Câu 7. Hoàn thành theo suy luận của anh/chị vào dấu (...) trong câu cuối của văn bản. (1,0 điểm)

Câu 8. Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm của tác giả: “*Một dân tộc biết chuẩn bị cả sự thất bại của mình trên con đường vươn tới tương lai là một dân tộc kính nể*” không? Vì sao? (0,5 điểm)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết một bài luận về những giá trị mà anh/chị muốn theo đuổi trong cuộc sống.

-----**HẾT**-----